

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THẾ DÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THẾ DÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE DAN CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108839626

3. Ngày thành lập: 25/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 80, phố Thanh Đàm, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
7.	In ấn	1811
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Sao chép bản ghi các loại	1820
10.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
11.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;	2029
12.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
14.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

15.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
16.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
17.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
18.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
19.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
20.	Đúc sắt, thép	2431
21.	Đúc kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2432
22.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
24.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
28.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
29.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
30.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
31.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
34.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
35.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
36.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
37.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
38.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
39.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
40.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
41.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
42.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
43.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
44.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

45.	Sản xuất máy thông dụng khác - Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô;	2819
46.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
47.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
48.	Sản xuất máy luyện kim	2823
49.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
53.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
54.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
55.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
58.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
59.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
60.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
61.	Thu gom rác thải độc hại	3812
62.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
63.	Xây dựng nhà để ở	4101
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
66.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
67.	Xây dựng công trình điện	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
70.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71.	Xây dựng công trình thủy	4291
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
75.	Phá dỡ	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

78.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
79.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
80.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
81.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
82.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
83.	Bán buôn thực phẩm	4632
84.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
85.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
86.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện)	4652
87.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng	4659(Chính)
89.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
90.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
91.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
92.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn hóa chất công nghiệp như mực in, anilin, tinh dầu, chất màu, nhựa tổng hợp, dầu thơm, hương liệu...; (trừ loại Nhà nước cấm)	4669
93.	Bán buôn tổng hợp	4690
94.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

95.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
96.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
97.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
98.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
99.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
101.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
102.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
103.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
104.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
105.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
106.	Lập trình máy vi tính	6201
107.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	6202
108.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
109.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020

110.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: - Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; - Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...	7110
111.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	7120
112.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
113.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn công nghệ khác	7490
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
116.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
117.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
118.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
119.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề - Hoạt động của các khu giải trí	9329
120.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
121.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
122.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
123.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
124.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
125.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ THÚY	Đội 6, thôn Kim Bôi, Xã Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	72.000	720.000.000	8,000	001187019346	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	72.000	720.000.000	8,000		
2	VŨ VĂN DÂN	thôn Kim Bôi, Xã Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	765.000	7.650.000.000	85,000	112163330	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	765.000	7.650.000.000	85,000		

3	VƯƠNG ĐĂNG KHOA	Tổ 13 xóm Đồng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.000	630.000.000	7,000	001079017542
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	63.000	630.000.000	7,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ VĂN DÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112163330

Ngày cấp: 03/10/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, thôn Kim Bôi, Xã Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 6, thôn Kim Bôi, Xã Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội